

Phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010

NGUYỄN NGỌC ĐIỀP

Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam được Chính phủ ban hành tháng 8/2004. Sau 6 năm triển khai thực hiện Định hướng chiến lược phát triển bền vững, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, các thành quả đã đạt được còn khiêm tốn, Việt Nam cần có những giải pháp hữu hiệu nhằm thực hiện phát triển bền vững trong thời gian tới.

MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ KINH TẾ

Định hướng chiến lược phát triển bền vững (PTBV) đưa ra mục tiêu PTBV về kinh tế là "đạt được sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu kinh tế hợp lý, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai, tránh để lại gánh nặng nợ nần cho các thế hệ mai sau". Định hướng cũng đưa ra 5 lĩnh vực hoạt động ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế nhằm đảm bảo PTBV. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng kết thực hiện PTBV về kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2005-2010.

Một là, duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững

Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn, bị tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn bảo đảm tăng trưởng khá nhanh, đạt 5-8% trong 5 năm qua. Kết quả là mức GDP đã vượt 1150\$/người, đưa Việt Nam tiến vững chắc vào Nhóm các nước có thu nhập trung bình.

Trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản, các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường quốc tế, dù sự cạnh tranh khá gay gắt.

Trong lĩnh vực công nghiệp, Việt Nam đã tăng nhanh sản lượng và giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu, với độ chế biến ngày càng sâu.

Trong các ngành dịch vụ, sản xuất của Việt Nam ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng dần dịch vụ xuất khẩu.

Nhìn chung, với sự phát triển kinh tế năng động và các chính sách đổi mới đã tiến hành, thứ hạng cạnh tranh toàn cầu GCI của Việt Nam theo Tổ chức Diễn đàn kinh tế thế giới WEF năm 2010 đã tăng mạnh thêm 16 bậc, nằm trong số 59 quốc gia cạnh tranh toàn cầu mạnh nhất, so sánh với 137 nền kinh tế khác trên thế giới.

Hai là, thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường

Các hoạt động trong sản xuất kinh doanh và sinh hoạt ở nước ta đã ngày càng chú ý tới các phương pháp sản xuất và tiêu dùng thân thiện với môi trường. Trong ngành năng lượng, tỷ lệ thất thoát điện từng bước được khống chế và giảm dần.

Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã nhận được sự tham gia, góp sức của nhiều Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương và các đơn vị tư vấn trên phạm vi toàn quốc. Tính đến tháng 6 năm 2010 đã có trên 150 nhiệm vụ, đề án và dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được triển khai. Các mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn I (2006-2010) cơ bản hoàn thành. Theo tính toán của Viện Năng lượng, năm 2008, lượng năng lượng



tiết kiệm được là 682 KTOE, tương đương với 8 tỷ kWh, khoảng 3,48% tổng tiêu thụ năng lượng năm 2008. Dự kiến trong giai đoạn 2006-2010 sẽ tiết kiệm được 3,2% tổng mức tiêu thụ năng lượng quốc gia.

Ba là, thực hiện quá trình “công nghiệp hoá sạch”

Từ năm 2006, Bộ Công Thương đã có nhiều hoạt động khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn. Năm 2007, Bộ đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-BCN về việc áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH) tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng Công ty, công ty công nghiệp thuộc Bộ triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn. Bộ đã tổ chức nhiều khoá đào tạo chuyên gia, tập huấn nâng cao năng lực về SXSH cho các tổ chức tư vấn môi trường và cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng và xuất bản hướng dẫn SXSH cho 10 ngành công nghiệp và đang tiếp tục nghiên cứu xây dựng hướng dẫn SXSH cho các ngành công nghiệp khác. Tính đến hết năm 2009 đã có khoảng 300 doanh nghiệp thực hiện dự án áp dụng SXSH, kiểm toán chất thải.

Trong ngành năng lượng, thủy điện và điện hạt nhân được coi là những nguồn năng lượng sạch. Hiện nay, thủy điện chiếm khoảng một nửa lượng điện cung cấp ở Việt Nam và Chính phủ cũng đang theo đuổi chính sách phát triển điện hạt nhân để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Đối với ngành khai thác khoáng sản, tình trạng khai thác bừa bãi và xuất khẩu tràn lan đã được khắc phục một phần do những cố gắng củng cố lại trật tự.

Bốn là, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững

Trong thời gian qua, nông nghiệp Việt Nam đã phát triển với tốc độ khá cao và ổn định theo hướng sản xuất hàng hóa. Giá trị

sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản luôn đạt mức cao, bình quân 5 năm tăng 4,85%. Năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi tăng. Sự phát triển ổn định trong ngành nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực đã đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Hệ thống giao thông, điện, kết cấu hạ tầng xã hội ở nông thôn có bước phát triển nhanh về số lượng. Đến nay, 96,8% số xã và 93,3% số hộ có điện lưới quốc gia; 100% xã có điện thoại cố định; hầu hết các xã đều có trường học, trạm y tế, 70% cư dân nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số huyện có Trung tâm văn hoá, thể thao; 38,6% số xã, 36% số thôn có nhà văn hoá.

Đời sống vật chất, tinh thần của cư dân các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện; xoá đói giảm nghèo đạt thành tựu to lớn. Năm 2007, thu nhập bình quân đầu người đạt 6.1 triệu đồng/người/năm, tăng 2,7 lần so với năm 2000. Đến 2008, về cơ bản đã xoá được đói, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn 16,2%.

Việc triển khai thực hiện Chương trình quy hoạch xây dựng nông thôn của Chính phủ theo đúng tiến độ, làm điểm tựa để phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, góp phần làm giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội giữa thành thị và nông thôn.

Năm là, PTBV vùng và địa phương

Cả nước và các vùng, các địa phương, đã tiến hành xây dựng và thông qua các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế, các vùng kinh tế trọng điểm, quy hoạch các tỉnh thành phố và các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp. Quy hoạch xây dựng vùng đã được lập và cơ bản phủ kín cho 06 vùng kinh tế trọng điểm. Tính đến nay, đã có 10 đồ án quy hoạch vùng liên tỉnh đã được phê duyệt.

Vấn đề PTBV các vùng đã được quan tâm. Các vùng đều chú ý phát huy tiềm năng, lợi thế và tăng cường đầu tư để có bước tăng trưởng nhanh hơn giai đoạn trước. Tất cả các vùng đều đạt và vượt mục tiêu về GDP bình quân đầu người và giảm tỷ lệ hộ nghèo so với kế hoạch đề ra.

Công tác bảo vệ môi trường ở các vùng được quan tâm hơn và có mặt được cải thiện. Hệ thống cấp nước sạch ở nông thôn, nhất là vùng đồng bằng Cửu Long và miền núi đã được cải tạo và xây dựng mới, đảm bảo cấp nước sạch cho hơn 60% dân cư nông thôn. Việc trồng và bảo vệ rừng được đẩy mạnh, nhất là ở các vùng Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng của cả nước từ 33,2% năm 2000 lên 40% năm 2010.

Hạn chế, tồn tại

Nhìn chung, các thành quả đã đạt được còn khiêm tốn, vì so sánh với các nước vùng Đông Á và Đông Nam Á, như Trung Quốc, Hàn Quốc, Xingapo hay Malaysia, phát triển kinh tế nước ta vẫn bị tụt hậu ngày càng xa hơn cả về tương đối và tuyệt đối.

Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước, nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực còn rất lớn. Phần lớn các doanh nghiệp nước ta có trình độ công nghệ và quản lý còn yếu kém.

Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, thiếu chiều sâu, đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên không tái tạo. Hàm lượng khoa học-công nghệ trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp còn ở mức rất hạn chế. Chỉ số kinh tế tri thức năm 2008 là 3,02, xếp thứ 102 trong số 133 nước có khảo sát (các nước có thu nhập trung bình chỉ số này là 4,1). Chưa kết hợp thật nhuần nhuyễn giữa tăng trưởng kinh tế với

tiến bộ và công bằng xã hội, với bảo vệ, gìn giữ tài nguyên và môi trường. Giá trị và tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chưa tính đầy đủ, trong một số trường hợp (lĩnh vực, sản phẩm,...) còn bỏ qua các chi phí xã hội về môi trường. Tăng trưởng trong nhiều lĩnh vực kinh tế chủ yếu dựa vào xuất khẩu tài nguyên thô. Việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên chưa được chú ý đúng như tinh thần của PTBV.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đồng đều và chưa phát huy thế mạnh trong từng ngành, từng vùng, từng sản phẩm; lĩnh vực dịch vụ chưa có sự chuyển dịch đáng kể trong cơ cấu GDP và cơ cấu nội bộ ngành, đạt tốc độ tăng trưởng chưa cao. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; chính sách hỗ trợ các vùng kém phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự phát triển của các thành phần kinh tế còn thấp xa so với tiềm năng. Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn rất thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Theo số liệu thống kê năm 2007, năng suất lao động của nước ta bằng 38% của Trung Quốc và 27% của Thái Lan. Tiêu hao năng lượng, nhất là thất thoát năng lượng còn ở mức cao, gấp rưỡi đến 2 lần các nước trong khu vực.

Sự tăng trưởng kinh tế còn dựa một phần quan trọng vào vốn vay bên ngoài. Phần lớn số vốn vay này là dài hạn và trung hạn, sẽ do các thế hệ tương lai hoàn trả. Vì vậy trên thực tế, đây là sự vay mượn nguồn lực của các thế hệ tương lai. Số nợ hiện nay của Việt Nam so với các nước chưa thuộc loại cao và chưa tới giới hạn nguy hiểm, song nó đang tăng lên nhanh chóng và sẽ có nguy cơ đe dọa tính bền vững của sự phát triển trong tương lai.

ĐỊNH HƯỚNG PTBV VỀ KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Thứ nhất, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng và sự hoạt động an toàn, hiệu quả của các định chế tài chính. Thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng tái cấu trúc các ngành sản xuất, dịch vụ gắn với các vùng kinh tế, phát triển công nghiệp hỗ trợ; tái cấu trúc các doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế:

Thứ hai, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển hài hoà giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để bảo đảm đạt tốc độ tăng trưởng cao đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng.

Thứ ba, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng.... Tháo gỡ mọi rào cản, tạo điều kiện để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. Tạo mọi điều kiện phát triển kinh tế tư nhân - thành phần có tốc độ tăng trưởng cao nhất và tạo nhiều việc làm nhất. Mặt khác, phải đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, để doanh nghiệp nhà nước trở thành công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách cơ cấu và định hướng tổ chức thị trường. Thực hiện đa sở hữu, công khai minh bạch, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và quan trọng hơn là đặt doanh nghiệp nhà nước vào môi trường cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong cơ chế thị trường.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả đầu tư công là một yếu tố quan trọng bảo đảm chất lượng tăng trưởng. Trong mười năm tới, cần tập trung

hơn nữa đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo điều kiện cho kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững. Hoàn thiện cơ chế giám sát và tăng cường công tác giám sát đầu tư. Kiên quyết và có biện pháp mạnh mẽ chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư.

Thứ năm, phát triển kinh tế xanh; nghiên cứu thực hiện mô hình tăng trưởng các bon thấp. Khuyến khích sản xuất và tiêu dùng bền vững, kết hợp các công cụ và biện pháp kinh tế, tài chính, tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn để hình thành lối sống thân thiện môi trường, thực hiện các mô hình sản xuất, tiêu dùng bền vững, tiết kiệm, có hiệu quả về tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, cải tiến cơ cấu ngành nghề theo hướng hiện đại, công nghệ cao, sạch tiêu tốn ít năng lượng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp; dành một tỷ lệ ngân sách thoả đáng cho việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ ít chất thải, công nghệ ít tiêu tốn nguyên liệu, năng lượng, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường. Tăng cường đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học; thực hiện chương trình cải tạo các giống cây, giống con; giảm hẳn sử dụng các hoá chất độc hại; bảo đảm chất lượng và độ an toàn cao cho sản xuất lương thực, thực phẩm.

Thứ bảy, phát triển hài hoà, bền vững các vùng. Thu hẹp chênh lệch về trình độ phát triển, cơ sở hạ tầng và mức sống giữa các vùng. Cần có cơ quan quản lý thống nhất các vùng kinh tế để chỉ đạo thực hiện quy hoạch vùng một cách hiệu quả, tránh tình trạng chỉ mang tính ước lệ như hiện nay. □